UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
SỞ Y TẾ

Phụ lục 01

Chỉ tiêu tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng năm 2026

TT	Vị trí việc làm theo Thông tư		Tiêu chuẩn, điều kiện vị trí việc làm đăng ký dự tuyển		Vị trí việc làm được phê duyệt		Số lượng viên chức cần tuyển theo nguồn kinh phí		Tổng số lượng viên chức cần tuyển	Ưu tiên dân tộc thiểu số (nếu có)
	Tên vị trí việc làm theo Thông tư	Mã	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tên vị trí	Bậc nghề nghiệp	Ngân sách nhà nước	Nguồn thu sự nghiệp		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*9*	*(10)=(8)+(9)*	*(11)*
	Tổng						**30**	**494**	**524**	
I	**Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng**						**4**	**0**	**4**	
1	Bác sĩ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	Bác sĩ Y học dự phòng	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sỹ y học dự phòng	Bậc 3	1	0	**1**	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3	3	0	**3**	
II	**Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh Lâm Đồng**						**1**	**0**	**1**	
1	Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành kế toán, tài chính, kiểm toán	Bậc 2 và tương đương trở lên	Kế toán	Bậc 3	1	0	**1**	
III	**Trung tâm Kiểm nghiệm Dược phẩm - Mỹ phẩm tỉnh Lâm Đồng**						**3**	**0**	**3**	
1	Văn thư viên	02.007	Tốt nghiệp Đại học trở lên các ngành/chuyên ngành: Văn thư - lưu trữ, lưu trữ học hoặc các ngành/chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Văn thư, lưu trữ	Không	Văn thư	Bậc 3	1	0	**1**	
2	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên các ngành đào tạo về công nghệ thông tin hoặc các ngành đào tạo gần về công nghệ thông tin	Bậc 2 và tương đương trở lên	Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Bậc 3	1	0	**1**	
3	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	Dược sĩ	Bậc 2 và tương đương trở lên	Dược	Bậc 3	1	0	**1**	
IV	**Trung tâm Pháp y tỉnh Lâm Đồng**						**3**	**0**	**3**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3	3		**3**	
V	**Bệnh viện II Lâm Đồng**						**0**	**80**	**80**	

TT	Vị trí việc làm theo Thông tư		Tiêu chuẩn, điều kiện vị trí việc làm đăng ký dự tuyển		Vị trí việc làm được phê duyệt		Số lượng viên chức cần tuyển theo nguồn kinh phí		Tổng số lượng viên chức cần tuyển	Ưu tiên dân tộc thiểu số (nếu có)
	Tên vị trí việc làm theo Thông tư	Mã	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tên vị trí	Bậc nghề nghiệp	Ngân sách nhà nước	Nguồn thu sự nghiệp		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*9*	*(10)=(8)+(9)*	*(11)*
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		20	20	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		3	3	
3	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		1	1	
4	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	Dược sĩ	Bậc 2 và tương đương trở lên	Dược	Bậc 3		4	4	
5	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Cử nhân Điều dưỡng	Bậc 2 và tương đương trở lên	Điều dưỡng	Bậc 3		22	22	
6	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng điều dưỡng	Không	Điều dưỡng	Bậc 2		10	10	
7	Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Cử nhân Hộ sinh	Bậc 2 và tương đương trở lên	Hộ sinh	Bậc 3		1	1	
8	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Cao đẳng Hộ sinh	Không	Hộ sinh	Bậc 2		2	2	
9	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học	Bậc 2 và tương đương trở lên	Kỹ thuật y	Bậc 3		2	2	
10	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Cử nhân Kỹ thuật phục hồi chức năng	Bậc 2 và tương đương trở lên	Kỹ thuật y	Bậc 3		1	1	
11	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng Kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng	Không	Kỹ thuật y	Bậc 2		1	1	
12	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Không	Kỹ thuật y	Bậc 2		2	2	
13	Dinh dưỡng hạng III	V.08.09.25	Cử nhân Dinh dưỡng	Bậc 2 và tương đương trở lên	Dinh dưỡng	Bậc 3		1	1	
14	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Bậc 2 và tương đương trở lên	Kỹ thuật	Bậc 3		1	1	
15	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	Kỹ sư công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Kỹ thuật	Bậc 3		1	1	
16	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	Kỹ sư kỹ thuật xây dựng	Bậc 2 và tương đương trở lên	Kỹ thuật	Bậc 3		1	1	

TT	Vị trí việc làm theo Thông tư		Tiêu chuẩn, điều kiện vị trí việc làm đăng ký dự tuyển		Vị trí việc làm được phê duyệt		Số lượng viên chức cần tuyển theo nguồn kinh phí		Tổng số lượng viên chức cần tuyển	Ưu tiên dân tộc thiểu số (nếu có)
	Tên vị trí việc làm theo Thông tư	Mã	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tên vị trí	Bậc nghề nghiệp	Ngân sách nhà nước	Nguồn thu sự nghiệp		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*9*	*(10)=(8)+(9)*	*(11)*
17	Kỹ thuật viên (hạng IV)	V.05.02.08	Cao đẳng Điện - Điện lạnh	Bậc 2 và tương đương trở lên	Kỹ thuật	Bậc 2		1	1	
18	Chuyên viên	01.003	Cử nhân Luật	Bậc 2 và tương đương trở lên	Pháp chế	Bậc 3		1	1	
19	Chuyên viên	01.003	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành Hành chính học, Quản trị kinh doanh, Quản lý nhà nước, Bảo hiểm, Luật, Kế toán, Kinh tế	Bậc 2 và tương đương trở lên	Hành chính - Tổng hợp	Bậc 3		1	1	
20	Chuyên viên	01.003	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành Luật kinh tế, Quản trị kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng, Kế toán - Kiểm toán, Quản lý bệnh viện, Quản lý y tế	Bậc 2 và tương đương trở lên	Kế hoạch, đầu tư	Bậc 3		2	2	
21	Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính	Bậc 2 và tương đương trở lên	Kế toán	Bậc 3		1	1	
22	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên các ngành đào tạo về công nghệ thông tin hoặc các ngành đào tạo gần về công nghệ thông tin	Bậc 2 và tương đương trở lên	Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Bậc 3		1	1	
VI	**Bệnh viện Y học cổ truyền Phạm Ngọc Thạch**						**0**	**13**	**13**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		1	**1**	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		3	**3**	
3	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Cử nhân Điều dưỡng	Bậc 2 và tương đương trở lên	Điều dưỡng	Bậc 3		3	**3**	
4	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng điều dưỡng	Không	Điều dưỡng	Bậc 2		1	**1**	
5	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Bậc 2 và tương đương trở lên	Kỹ thuật y	Bậc 3		1	**1**	
6	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Không	Kỹ thuật y	Bậc 2		2	**2**	
7	Dược hạng IV	V.08.08.23	Cao đẳng Dược	Không	Dược	Bậc 2		1	**1**	
8	Chuyên viên	01.003	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành Quản trị văn phòng, Quản trị kinh doanh, Quản lý nhà nước, Luật, Kế toán	Bậc 2 và tương đương trở lên	Hành chính - Tổng hợp	Bậc 3		1	**1**	

TT	Vị trí việc làm theo Thông tư		Tiêu chuẩn, điều kiện vị trí việc làm đăng ký dự tuyển		Vị trí việc làm được phê duyệt		Số lượng viên chức cần tuyển theo nguồn kinh phí		Tổng số lượng viên chức cần tuyển	Ưu tiên dân tộc thiểu số (nếu có)
	Tên vị trí việc làm theo Thông tư	Mã	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tên vị trí	Bậc nghề nghiệp	Ngân sách nhà nước	Nguồn thu sự nghiệp		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*9*	*(10)=(8)+(9)*	*(11)*
VII	**Bệnh viện Y học cổ truyền Bảo Lộc**						**0**	**6**	**6**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		1	**1**	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		5	**5**	
VIII	**Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Lâm Đồng**							**22**	**22**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		8	**8**	
2	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	Dược sĩ	Bậc 2 và tương đương trở lên	Dược	Bậc 3		2	**2**	
3	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Cử nhân Điều dưỡng	Bậc 2 và tương đương trở lên	Điều dưỡng	Bậc 3		4	**4**	
4	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng Điều dưỡng	Không	Điều dưỡng	Bậc 2		4	**4**	
5	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học	Bậc 2 và tương đương trở lên	Kỹ thuật y	Bậc 3		1	**1**	
6	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Không	Kỹ thuật y	Bậc 2		1	**1**	
7	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên các ngành đào tạo về công nghệ thông tin hoặc các ngành đào tạo gần về công nghệ thông tin	Bậc 2 và tương đương trở lên	Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Bậc 3		1	**1**	
8	Công nghệ thông tin hạng IV	V.11.06.15	Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên các ngành đào tạo về công nghệ thông tin	Không	Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Bậc 2		1	**1**	
IX	**Trung tâm Y tế khu vực Đà Lạt**						**0**	**28**	**28**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		22	**22**	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		2	**2**	
3	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		2	**2**	
4	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học	Bậc 2 và tương đương trở lên	Kỹ thuật y	Bậc 3		1	**1**	
5	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Không	Kỹ thuật y	Bậc 2		1	**1**	

TT	Vị trí việc làm theo Thông tư		Tiêu chuẩn, điều kiện vị trí việc làm đăng ký dự tuyển		Vị trí việc làm được phê duyệt		Số lượng viên chức cần tuyển theo nguồn kinh phí		Tổng số lượng viên chức cần tuyển	Ưu tiên dân tộc thiểu số (nếu có)
	Tên vị trí việc làm theo Thông tư	Mã	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tên vị trí	Bậc nghề nghiệp	Ngân sách nhà nước	Nguồn thu sự nghiệp		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*9*	*(10)=(8)+(9)*	*(11)*
X	**Trung tâm Y tế khu vực Đơn Dương**						**0**	**6**	**6**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		2	**2**	
2	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng Điều dưỡng	Không	Điều dưỡng	Bậc 2		1	**1**	
3	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học	Không	Kỹ thuật y	Bậc 2		2	**2**	
4	Chuyên viên	01.003	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành Quản trị nhân lực, Quản trị văn phòng, Quản trị kinh doanh	Bậc 2 và tương đương trở lên	Tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng	Bậc 3		1	**1**	
XI	**Trung tâm Y tế khu vực Đức Trọng**						**0**	**15**	**15**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		13	**13**	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		1	**1**	
3	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		1	**1**	
XII	**Trung tâm Y tế khu vực Lạc Dương**						**2**	**0**	**2**	
1	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	Dược sĩ	Bậc 2 và tương đương trở lên	Dược	Bậc 3	1		**1**	
2	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên các ngành đào tạo về công nghệ thông tin hoặc các ngành đào tạo gần về công nghệ thông tin	Bậc 2 và tương đương trở lên	Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Bậc 3	1		**1**	
XIII	**Trung tâm Y tế khu vực Lâm Hà**						**0**	**16**	**16**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		2	**2**	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		1	**1**	
3	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		1	**1**	
4	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Cử nhân Điều dưỡng	Bậc 2 và tương đương trở lên	Điều dưỡng	Bậc 3		2	**2**	
5	Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Cử nhân Hộ sinh	Bậc 2 và tương đương trở lên	Hộ sinh	Bậc 3		1	**1**	
6	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Cử nhân Kỹ thuật phục hồi chức năng	Bậc 2 và tương đương trở lên	Kỹ thuật y	Bậc 3		1	**1**	
7	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học	Bậc 2 và tương đương trở lên	Kỹ thuật y	Bậc 3		1	**1**	

TT	Vị trí việc làm theo Thông tư		Tiêu chuẩn, điều kiện vị trí việc làm đăng ký dự tuyển		Vị trí việc làm được phê duyệt		Số lượng viên chức cần tuyển theo nguồn kinh phí		Tổng số lượng viên chức cần tuyển	Ưu tiên dân tộc thiểu số (nếu có)
	Tên vị trí việc làm theo Thông tư	Mã	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tên vị trí	Bậc nghề nghiệp	Ngân sách nhà nước	Nguồn thu sự nghiệp		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*9*	*(10)=(8)+(9)*	*(11)*
8	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học	Bậc 2 và tương đương trở lên	Kỹ thuật y	Bậc 3		2	**2**	
9	Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính	Bậc 2 và tương đương trở lên	Kế toán	Bậc 3		2	**2**	
10	Công tác xã hội viên	V.09.04.02	Tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành công tác xã hội, xã hội học, tâm lý học, giáo dục đặc biệt hoặc các chuyên ngành khoa học xã hội phù hợp với nhiệm vụ công tác xã hội. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ công tác xã hội do cơ sở đào tạo hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp theo chương trình do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành hoặc có chứng chỉ sơ cấp ngành công tác xã hội	Bậc 2 và tương đương trở lên	Công tác xã hội	Bậc 3		1	**1**	
11	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng Điều dưỡng	Không	Điều dưỡng	Bậc 2		2	**2**	
XIV	**Trung tâm Y tế khu vực Đam Rông**						**0**	**6**	**6**	
1	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng Điều dưỡng	Không	Điều dưỡng	Bậc 2		1	**1**	
2	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Cao đẳng Hộ sinh	Không	Hộ sinh	Bậc 2		1	**1**	
3	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học	Bậc 2 và tương đương trở lên	Kỹ thuật y	Bậc 3		1	**1**	
4	Dược hạng IV	V.08.08.23	Cao đẳng Dược	Không	Dược	Bậc 2		1	**1**	
5	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		1	**1**	
6	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		1	**1**	
XV	**Trung tâm Y tế khu vực Di Linh**						**0**	**38**	**38**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		10	**10**	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		1	**1**	
3	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		2	**2**	
4	Bác sĩ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	Bác sĩ Y học dự phòng	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sỹ y học dự phòng	Bậc 3		1	**1**	

TT	Vị trí việc làm theo Thông tư		Tiêu chuẩn, điều kiện vị trí việc làm đăng ký dự tuyển		Vị trí việc làm được phê duyệt		Số lượng viên chức cần tuyển theo nguồn kinh phí		Tổng số lượng viên chức cần tuyển	Ưu tiên dân tộc thiểu số (nếu có)
	Tên vị trí việc làm theo Thông tư	Mã	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tên vị trí	Bậc nghề nghiệp	Ngân sách nhà nước	Nguồn thu sự nghiệp		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*9*	*(10)=(8)+(9)*	*(11)*
5	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học	Bậc 2 và tương đương trở lên	Kỹ thuật y	Bậc 3		2	**2**	
6	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Cử nhân Kỹ thuật phục hồi chức năng	Bậc 2 và tương đương trở lên	Kỹ thuật y	Bậc 3		1	**1**	
7	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Cử nhân Điều dưỡng	Bậc 2 và tương đương trở lên	Điều dưỡng	Bậc 3		10	**10**	
8	Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Cử nhân Hộ sinh	Bậc 2 và tương đương trở lên	Hộ sinh	Bậc 3		1	**1**	
9	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên các ngành đào tạo về công nghệ thông tin hoặc các ngành đào tạo gần về công nghệ thông tin	Bậc 2 và tương đương trở lên	Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Bậc 3		1	**1**	
10	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng Kỹ thuật phục hồi chức năng	Không	Kỹ thuật y	Bậc 2		2	**2**	
11	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng Điều dưỡng	Không	Điều dưỡng	Bậc 2		7	**7**	
XVI	**Trung tâm Y tế khu vực Bảo Lâm**						**0**	**18**	**18**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		5	**5**	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		1	**1**	
3	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		1	**1**	
4	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	Dược sĩ	Bậc 2 và tương đương trở lên	Dược	Bậc 3		1	**1**	
5	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Cử nhân Điều dưỡng	Bậc 2 và tương đương trở lên	Điều dưỡng	Bậc 3		2	**2**	
6	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng Điều dưỡng	Không	Điều dưỡng	Bậc 2		4	**4**	
7	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học	Bậc 2 và tương đương trở lên	Kỹ thuật y	Bậc 3		1	**1**	
8	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng Kỹ thuật phục hồi chức năng	Không	Kỹ thuật y	Bậc 2		2	**2**	
9	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên các ngành đào tạo về công nghệ thông tin hoặc các ngành đào tạo gần về công nghệ thông tin	Bậc 2 và tương đương trở lên	Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Bậc 3		1	**1**	
XVII	**Trung tâm Y tế khu vực Bảo Lộc**						**0**	**3**	**3**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		2	**2**	
2	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Không	Kỹ thuật y	Bậc 2		1	**1**	

TT	Vị trí việc làm theo Thông tư		Tiêu chuẩn, điều kiện vị trí việc làm đăng ký dự tuyển		Vị trí việc làm được phê duyệt		Số lượng viên chức cần tuyển theo nguồn kinh phí		Tổng số lượng viên chức cần tuyển	Ưu tiên dân tộc thiểu số (nếu có)
	Tên vị trí việc làm theo Thông tư	Mã	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tên vị trí	Bậc nghề nghiệp	Ngân sách nhà nước	Nguồn thu sự nghiệp		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*9*	*(10)=(8)+(9)*	*(11)*
XVIII	**Trung tâm Y tế khu vực Đạ Huoai**						**0**	**22**	**22**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		5	**5**	
2	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Cử nhân Điều dưỡng	Bậc 2 và tương đương trở lên	Điều dưỡng	Bậc 3		7	**7**	
3	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng điều dưỡng	Không	Điều dưỡng	Bậc 2		2	**2**	
4	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học	Bậc 2 và tương đương trở lên	Kỹ thuật y	Bậc 3		2	**2**	
5	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học	Bậc 2 và tương đương trở lên	Kỹ thuật y	Bậc 3		1	**1**	
6	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Không	Kỹ thuật y	Bậc 2		3	**3**	
7	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	Dược sĩ	Bậc 2 và tương đương trở lên	Dược	Bậc 3		1	**1**	
8	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	Có trình độ đại học chuyên ngành kỹ thuật thiết bị y tế	Bậc 2 và tương đương trở lên	Kỹ thuật	Bậc 3		1	**1**	
XIX	**Trung tâm Bảo trợ xã hội Bình Thuận**						**17**	**0**	**17**	
1	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên các ngành đào tạo về công nghệ thông tin hoặc các ngành đào tạo gần về công nghệ thông tin	Bậc 2 và tương đương trở lên	Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Bậc 3	1			
2	Chuyên viên	01.003	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành tâm lý học, công tác xã hội, xã hội học, điều dưỡng	Bậc 2 và tương đương trở lên	Chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em	Bậc 3	1		**1**	
3	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Cử nhân Điều dưỡng	Bậc 2 và tương đương trở lên	Điều dưỡng	Bậc 3	1		**1**	
4	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng Điều dưỡng	Không	Điều dưỡng	Bậc 2	5		**5**	
5	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	Dược sĩ	Bậc 2 và tương đương trở lên	Dược	Bậc 3	1		**1**	
6	Dược hạng IV	V.08.08.23	Cao đẳng Dược	Không	Dược	Bậc 2	1		**1**	

TT	Vị trí việc làm theo Thông tư		Tiêu chuẩn, điều kiện vị trí việc làm đăng ký dự tuyển		Vị trí việc làm được phê duyệt		Số lượng viên chức cần tuyển theo nguồn kinh phí		Tổng số lượng viên chức cần tuyển	Ưu tiên dân tộc thiểu số (nếu có)
	Tên vị trí việc làm theo Thông tư	Mã	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tên vị trí	Bậc nghề nghiệp	Ngân sách nhà nước	Nguồn thu sự nghiệp		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*9*	*(10)=(8)+(9)*	*(11)*
7	Công tác xã hội viên	V.09.04.02	Tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành công tác xã hội, xã hội học, tâm lý học, giáo dục đặc biệt hoặc các chuyên ngành khoa học xã hội phù hợp với nhiệm vụ công tác xã hội. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ công tác xã hội do cơ sở đào tạo hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp theo chương trình do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành hoặc có chứng chỉ sơ cấp ngành công tác xã hội	Bậc 2 và tương đương trở lên	Công tác xã hội	Bậc 3	5		**5**	
8	Nhân viên công tác xã hội	V.09.04.03	Tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc các chuyên ngành công tác xã hội, xã hội học, tâm lý học, giáo dục đặc biệt hoặc các chuyên ngành khoa học xã hội phù hợp với nhiệm vụ công tác xã hội. Trường hợp có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ công tác xã hội do cơ sở đào tạo hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp theo chương trình do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành hoặc có chứng chỉ sơ cấp ngành công tác xã hội	Bậc 2 và tương đương trở lên	Công tác xã hội	Bậc 2	2		**2**	
XX	**Bệnh viện Đa khoa khu vực phía Nam**						**0**	**22**	**22**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3	0	19	**19**	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		2	**2**	
3	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3	0	1	**1**	
XXI	**Bệnh viện Đa khoa khu vực La Gi**						**0**	**20**	**20**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3	0	18	**18**	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		2	**2**	
XXII	**Bệnh viện Đa khoa khu vực Bắc Bình Thuận**						**0**	**10**	**10**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3	0	8	**8**	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		2	**2**	
XXIII	**Bệnh viện Phổi Bình Thuận**						**0**	**5**	**5**	

TT	Vị trí việc làm theo Thông tư		Tiêu chuẩn, điều kiện vị trí việc làm đăng ký dự tuyển		Vị trí việc làm được phê duyệt		Số lượng viên chức cần tuyển theo nguồn kinh phí		Tổng số lượng viên chức cần tuyển	Ưu tiên dân tộc thiểu số (nếu có)
	Tên vị trí việc làm theo Thông tư	Mã	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tên vị trí	Bậc nghề nghiệp	Ngân sách nhà nước	Nguồn thu sự nghiệp		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*9*	*(10)=(8)+(9)*	*(11)*
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		4	**4**	
2	Bác sĩ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	Bác sĩ Y học dự phòng	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sỹ y học dự phòng	Bậc 3		1	**1**	
XXIV	**Bệnh viện Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng Bình Thuận**						**0**	**12**	**12**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		5	**5**	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		1	**1**	
3	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		6	**6**	
XXV	**Trung tâm Y tế khu vực Tuy Phong**						**0**	**10**	**10**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3	0	10	**10**	
XXVI	**Trung tâm Y tế khu vực Hàm Thuận Bắc**						**0**	**15**	**15**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		3	**3**	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		12	**12**	
XXVII	**Trung tâm Y tế khu vực Phan Thiết**						**0**	**20**	**20**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		18	**18**	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		1	**1**	
3	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		1	**1**	
XXVIII	**Trung tâm Y tế khu vực Hàm Thuận Nam**						**0**	**4**	**4**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3	0	4	**4**	
XXIX	**Trung tâm Y tế khu vực Hàm Tân**						**0**	**11**	**11**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		9	**9**	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		1	**1**	
3	Bác sĩ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	Bác sĩ Y học dự phòng	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sỹ y học dự phòng	Bậc 3		1	**1**	
XXX	**Trung tâm Y tế khu vực Đức Linh**						**0**	**10**	**10**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3	0	6	**6**	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		2	**2**	

TT	Vị trí việc làm theo Thông tư		Tiêu chuẩn, điều kiện vị trí việc làm đăng ký dự tuyển		Vị trí việc làm được phê duyệt		Số lượng viên chức cần tuyển theo nguồn kinh phí		Tổng số lượng viên chức cần tuyển	Ưu tiên dân tộc thiểu số (nếu có)
	Tên vị trí việc làm theo Thông tư	Mã	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tên vị trí	Bậc nghề nghiệp	Ngân sách nhà nước	Nguồn thu sự nghiệp		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*9*	*(10)=(8)+(9)*	*(11)*
3	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3	0	1	**1**	
4	Bác sĩ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	Bác sĩ Y học dự phòng	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sỹ y học dự phòng	Bậc 3	0	1	**1**	
XXXI	**Trung tâm Y tế khu vực Tánh Linh**						**0**	**11**	**11**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3	0	9	**9**	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		2	**2**	
XXXII	**Trung tâm Y tế Quân dân y Đặc khu Phú Quý**						**0**	**6**	**6**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3	0	1	**1**	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3	0	3	**3**	
3	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		2	**2**	
XXXIII	**Bệnh viện Đa khoa Bình Thuận**						**0**	**52**	**52**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3	0	50	**50**	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3	0	1	**1**	
3	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3	0	1	**1**	
XXXIV	**Bệnh viện Đa khoa Đắk Nông**						**0**	**2**	**2**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3	0	2	**2**	
XXXV	**Trung tâm Y tế khu vực Đắk R'lấp**						**0**	**4**	**4**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3	0	4	**4**	
XXXVI	**Trung tâm Y tế khu vực Đắk Song**						**0**	**5**	**5**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		4	**4**	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3	0	1	**1**	
XXXVII	**Trung tâm Y tế khu vực Tuy Đức**						**0**	**2**	**2**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		2	**2**	

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
SỞ Y TẾ

Phụ lục 02

Chỉ tiêu tuyển dụng viên chức các Trạm Y tế xã, phường, đặc khu trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng năm 2026

TT	Vị trí việc làm	Tiêu chuẩn, điều kiện vị trí việc làm đăng ký dự tuyển					Ưu tiên người dân tộc thiểu số (nếu có)
		Tên vị trí việc làm	Bác sĩ (hạng III)	Bác sĩ y học dự phòng (hạng III)	Bác sĩ (hạng III)	Bác sĩ (hạng III)	
		Mã	V.08.01.03	V.08.02.06	V.08.01.03	V.08.01.03	
		Bậc nghề nghiệp	Bậc 3	Bậc 3	Bậc 3	Bậc 3	
	Tiêu chuẩn, điều kiện vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	**Trình độ chuyên môn, chuyên ngành**	Bác sĩ y khoa	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt	Bác sĩ Y học cổ truyền	
		Ngoại ngữ	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bậc 2 và tương đương trở lên	
	Tên trạm/Tổng số lượng	**219**	**127**	**23**	**20**	**49**	
1	Trạm Y tế phường Xuân Hương - Đà Lạt	**2**	1			1	
2	Trạm Y tế phường Cam Ly - Đà Lạt	**1**	1				
3	Trạm Y tế phường Lâm Viên - Đà Lạt	**3**	2			1	
4	Trạm Y tế phường Lang Biang - Đà Lạt	**1**				1	
5	Trạm y tế xã Lạc Dương	**1**	1				
6	Trạm Y tế xã Đơn Dương	**2**		1		1	
7	Trạm Y tế xã Ka Đô	**2**	2				
8	Trạm Y tế xã Quảng Lập	**1**	1				
9	Trạm Y tế xã Đức Trọng	**3**	3				
10	Trạm Y tế xã Hiệp Thạnh	**1**	1				
11	Trạm Y tế xã Tân Hội	**2**	2				
12	Trạm Y tế xã Ninh Gia	**4**	2		1	1	
13	Trạm Y tế xã Tà Hine	**2**	1		1		
14	Trạm Y tế xã Tà Năng	**4**	4				
15	Trạm Y tế xã Phú Sơn Lâm Hà	**1**	1				
16	Trạm Y tế xã Nam Hà Lâm Hà	**2**	2				
17	Trạm Y tế xã Tân Hà Lâm Hà	**1**	1				
18	Trạm Y tế xã Phúc Thọ Lâm Hà	**5**	2	1	1	1	
19	Trạm Y tế xã Di Linh	**2**	1			1	
20	Trạm Y tế xã Hòa Ninh	**2**		1	1		
21	Trạm Y tế xã Hòa Bắc	**3**	2			1	
22	Trạm Y tế xã Đinh Trang Thượng	**1**	1				
23	Trạm Y tế xã Bảo Thuận	**1**	1				
24	Trạm Y tế xã Sơn Điền	**3**	2			1	

TT	Vị trí việc làm	Tiêu chuẩn, điều kiện vị trí việc làm đăng ký dự tuyển					Ưu tiên người dân tộc thiểu số (nếu có)
		Tên vị trí việc làm	Bác sĩ (hạng III)	Bác sĩ y học dự phòng (hạng III)	Bác sĩ (hạng III)	Bác sĩ (hạng III)	
		Mã	V.08.01.03	V.08.02.06	V.08.01.03	V.08.01.03	
		Bậc nghề nghiệp	Bậc 3	Bậc 3	Bậc 3	Bậc 3	
	Tiêu chuẩn, điều kiện vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	**Trình độ chuyên môn, chuyên ngành**	Bác sĩ y khoa	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt	Bác sĩ Y học cổ truyền	
		Ngoại ngữ	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bậc 2 và tương đương trở lên	
25	Trạm Y tế xã Gia Hiệp	**5**	2	1	1	1	
26	Trạm Y tế xã Bảo Lâm 1	**2**	1		1		
27	Trạm Y tế xã Bảo Lâm 5	**2**	1			1	
28	Trạm Y tế phường 1 Bảo Lộc	**2**	1		1		
29	Trạm Y tế phường 2 Bảo Lộc	**1**	1				
30	Trạm Y tế xã Đạ Huoai	**1**	1				
31	Trạm Y tế xã Đạ Huoai 2	**4**	3			1	
32	Trạm Y tế xã Đạ Huoai 3	**1**				1	
33	Trạm Y tế xã Đạ Tẻh	**2**	2				
34	Trạm Y tế xã Đạ Tẻh 2	**3**	1		1	1	
35	Trạm Y tế xã Đạ Tẻh 3	**2**	1			1	
36	Trạm Y tế xã Cát Tiên 2	**3**	1		1	1	
37	Trạm Y tế xã Cát Tiên 3	**3**	1		1	1	
38	Trạm Y tế xã Vĩnh Hảo	**3**	1	1		1	Vị trí Bác sĩ Y học dự phòng ưu tiên người dân tộc thiểu số
39	Trạm Y tế xã Liên Hương	**7**	4	1	1	1	
40	Trạm Y tế xã Tuy Phong	**3**	2	1			
41	Trạm Y tế xã Phan Rí Cửa	**5**	2	1	1	1	
42	Trạm Y tế xã Hồng Thái	**4**	1	2		1	
43	Trạm Y tế xã Hải Ninh	**2**	2				
44	Trạm Y tế xã Phan Sơn	**3**	1		1	1	
45	Trạm Y tế xã Sông Lũy	**3**	3				
46	Trạm Y tế xã Lương Sơn	**4**	2	1		1	
47	Trạm Y tế xã Hòa Thắng	**3**	2	1			
48	Trạm Y tế xã Đông Giang	**3**	1	1		1	

TT	Vị trí việc làm	Tiêu chuẩn, điều kiện vị trí việc làm đăng ký dự tuyển					Ưu tiên người dân tộc thiểu số (nếu có)
		Tên vị trí việc làm	Bác sĩ (hạng III)	Bác sĩ y học dự phòng (hạng III)	Bác sĩ (hạng III)	Bác sĩ (hạng III)	
		Mã	V.08.01.03	V.08.02.06	V.08.01.03	V.08.01.03	
		Bậc nghề nghiệp	Bậc 3	Bậc 3	Bậc 3	Bậc 3	
	Tiêu chuẩn, điều kiện vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	**Trình độ chuyên môn, chuyên ngành**	Bác sĩ y khoa	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt	Bác sĩ Y học cổ truyền	
		Ngoại ngữ	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bậc 2 và tương đương trở lên	
49	Trạm Y tế xã La Dạ	**2**	1			1	
50	Trạm Y tế xã Hàm Thuận Bắc	**3**	1		1	1	
51	Trạm Y tế xã Hàm Thuận	**1**	1				
52	Trạm Y tế xã Hồng Sơn	**2**		1		1	
53	Trạm Y tế xã Hàm Liêm	**3**	2			1	
54	Trạm Y tế phường Hàm Thắng	**4**	1	1	1	1	
55	Trạm Y tế phường Bình Thuận	**3**	1	1		1	
56	Trạm Y tế phường Mũi Né	**3**	1	1		1	
57	Trạm Y tế phường Phú Thủy	**3**	2			1	
58	Trạm Y tế phường Phan Thiết	**1**			1		
59	Trạm Y tế phường Tiến Thành	**2**	1			1	
60	Trạm Y tế xã Tuyên Quang	**2**	2				
61	Trạm Y tế xã Hàm Kiệm	**2**	2				
62	Trạm Y tế xã Tân Thành	**3**	3				
63	Trạm Y tế xã Hàm Thuận Nam	**3**	2			1	
64	Trạm Y tế xã Tân Lập	**3**	2			1	
65	Trạm Y tế xã Tân Minh	**1**	1				
66	Trạm Y tế xã Hàm Tân	**3**	2	1			
67	Trạm Y tế xã Sơn Mỹ	**3**	1	1		1	
68	Trạm Y tế phường La Gi	**3**	3				
69	Trạm Y tế phường Phước Hội	**2**	2				
70	Trạm Y tế xã Tân Hải	**4**	3			1	
71	Trạm Y tế xã Bắc Ruộng	**2**	1			1	
72	Trạm Y tế xã Nghị Đức	**2**	1			1	
73	Trạm Y tế xã Đồng Kho	**3**	1		1	1	
74	Trạm Y tế xã Tánh Linh	**3**	2			1	
75	Trạm Y tế xã Suối Kiết	**3**	1	1		1	
76	Trạm Y tế xã Nam Thành	**3**	2			1	
77	Trạm Y tế xã Đức Linh	**4**	2		1	1	

TT	Vị trí việc làm	Tiêu chuẩn, điều kiện vị trí việc làm đăng ký dự tuyển					Ưu tiên người dân tộc thiểu số (nếu có)
		Tên vị trí việc làm	Bác sĩ (hạng III)	Bác sĩ y học dự phòng (hạng III)	Bác sĩ (hạng III)	Bác sĩ (hạng III)	
		Mã	V.08.01.03	V.08.02.06	V.08.01.03	V.08.01.03	
		Bậc nghề nghiệp	Bậc 3	Bậc 3	Bậc 3	Bậc 3	
	Tiêu chuẩn, điều kiện vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	**Trình độ chuyên môn, chuyên ngành**	Bác sĩ y khoa	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt	Bác sĩ Y học cổ truyền	
		Ngoại ngữ	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bậc 2 và tương đương trở lên	
78	Trạm Y tế xã Hoài Đức	**2**	2				
79	Trạm Y tế xã Trà Tân	**3**	2	1			
80	Trạm Y tế xã Đắk Wil	**2**	1			1	
81	Trạm Y tế xã Quảng Phú	**1**	1				
82	Trạm Y tế xã Đắk Mil	**1**			1		
83	Trạm Y tế xã Đắk Song	**1**				1	
84	Trạm Y tế xã Trường Xuân	**1**				1	
85	Trạm Y tế phường Đông Gia Nghĩa	**1**	1				
86	Trạm Y tế xã Tà Đùng	**1**	1				
87	Trạm Y tế xã Quảng Sơn	**2**	1	1			
88	Trạm Y tế xã Quảng Hòa	**5**	2	1	1	1	
89	Trạm Y tế xã Quảng Trực	**1**	1				
90	Trạm Y tế Đặc khu Phú Quý	**1**				1	

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
SỞ Y TẾ

Phụ lục 03

Thực trạng số lượng người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng năm 2026

TT	Đơn vị sự nghiệp	Số lượng người làm việc được giao năm 2026			Số viên chức có mặt tới tháng 10/2026			Số viên chức chưa tuyển dụng năm 2026			Ghi chú
		Tổng	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu	Tổng	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu	Tổng	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu	
	Tổng	**6.638**	**3.198**	**3.440**	**6.800**	**3.131**	**3.669**	**1.774**	**67**	**1.707**	
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lâm Đồng				**633**		633				Tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên
2	Bệnh viện II Lâm Đồng				**467**		467				Tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên
3	Bệnh viện Đa khoa Bình Thuận				**481**		481				Tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên
4	Bệnh viện Đa khoa khu vực phía Nam				**217**		217				Tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên
5	Bệnh viện Đa khoa khu vực La Gi				**138**		138				Tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên
6	Bệnh viện Đa khoa khu vực Bắc Bình Thuận	**326**	43	283	**188**	43	145	**138**		138	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
7	Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Lâm Đồng	**208**	81	127	**98**	81	17	**110**		110	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
8	Bệnh viện Y học cổ truyền Bảo Lộc	**124**	53	71	**78**	53	25	**46**		46	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
9	Bệnh viện Y học cổ truyền Phạm Ngọc Thạch	**162**	78	84	**106**	78	28	**56**		56	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
10	Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Lâm Đồng	**93**	47	46	**77**	47	30	**16**		16	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
11	Bệnh viện Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng Bình Thuận	**203**	60	143	**90**	60	30	**113**		113	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
12	Bệnh viện Phổi Bình Thuận	**109**	54	55	**81**	54	27	**28**		28	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
13	Bệnh viện Đa khoa Đắk Nông	**413**	145	268	**380**	145	235	**33**		33	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
14	Trung tâm Pháp y tỉnh Lâm Đồng	**33**	33		**30**	30		**3**	3		Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên
15	Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh Lâm Đồng	**25**	22	3	**21**	21		**4**	1	3	Tự đảm bảo một phần kinh

TT	Đơn vị sự nghiệp	Số lượng người làm việc được giao năm 2026			Số viên chức có mặt tới tháng 10/2026			Số viên chức chưa tuyển dụng năm 2026			Ghi chú
		Tổng	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu	Tổng	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu	Tổng	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu	
											phí chi thường xuyên
16	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng	**432**	377	55	**373**	373		**59**	4	55	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
17	Trung tâm Kiểm Nghiệm Dược phẩm - Mỹ Phẩm tỉnh Lâm Đồng	**36**	36		**33**	33		**3**	3		Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên
18	Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Lâm Đồng	**23**	23		**23**	23					Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên
19	Trung tâm Bảo trợ xã hội Bình Thuận	**72**	72		**27**	27		**45**	45		Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên
20	Trung tâm Bảo trợ xã hội Đắk Nông	**24**	24		**23**	23		**1**	1		Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên
21	Trung tâm Y tế khu vực Đà Lạt	**141**	59	82	**81**	59	22	**60**		60	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
22	Trung tâm Y tế khu vực Lạc Dương	**68**	62	6	**56**	56		**12**	6	6	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
23	Trung tâm Y tế khu vực Đơn Dương	**207**	78	129	**157**	78	79	**50**		50	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
24	Trung tâm Y tế khu vực Đức Trọng	**237**	100	137	**184**	100	84	**53**		53	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
25	Trung tâm Y tế khu vực Lâm Hà	**184**	100	84	**149**	100	49	**35**		35	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
26	Trung tâm Y tế khu vực Đam Rông	**112**	77	35	**87**	77	10	**25**		25	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
27	Trung tâm Y tế khu vực Di Linh	**213**	96	117	**169**	96	73	**44**		44	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
28	Trung tâm Y tế khu vực Bảo Lâm	**123**	72	51	**87**	72	15	**36**		36	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
29	Trung tâm Y tế khu vực Bảo Lộc	**82**	42	40	**64**	42	22	**18**		18	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
30	Trung tâm Y tế khu vực Đạ Huoai	**376**	238	138	**263**	238	25	**113**		113	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
31	Trung tâm Y tế khu vực Tuy Phong	**180**	60	120	**134**	60	74	**46**		46	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
32	Trung tâm Y tế khu vực Bắc Bình	**43**	43		**42**	42		**1**	1		Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên

TT	Đơn vị sự nghiệp	Số lượng người làm việc được giao năm 2026			Số viên chức có mặt tới tháng 10/2026			Số viên chức chưa tuyển dụng năm 2026			Ghi chú
		Tổng	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu	Tổng	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu	Tổng	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu	
33	Trung tâm Y tế khu vực La Gi	**43**	43		**43**	43					Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
34	Trung tâm Y tế khu vực Hàm Thuận Bắc	**285**	91	194	**172**	91	81	**113**		113	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
35	Trung tâm Y tế khu vực Hàm Tân	**150**	65	85	**103**	65	38	**47**		47	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
36	Trung tâm Y tế khu vực Phan Thiết	**268**	97	171	**149**	97	52	**119**		119	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
37	Trung tâm Y tế khu vực Hàm Thuận Nam	**195**	50	145	**121**	50	71	**74**		74	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
38	Trung tâm Y tế khu vực Tánh Linh	**213**	45	168	**121**	45	76	**92**		92	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
39	Trung tâm Y tế khu vực Đức Linh	**153**	66	87	**72**	66	6	**81**		81	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
40	Trung tâm Y tế Quân dân y Đặc khu Phú Quý	**144**	96	48	**93**	93		**51**	3	48	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
41	Trung tâm Y tế khu vực Cư Jút	**143**	69	74	**140**	69	71	**3**		3	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
42	Trung tâm Y tế khu vực Krông Nô	**116**	56	60	**112**	56	56	**4**		4	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
43	Trung tâm Y tế khu vực Đắk Mil	**160**	70	90	**157**	70	87	**3**		3	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
44	Trung tâm Y tế khu vực Đắk Song	**125**	53	72	**115**	53	62	**10**		10	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
45	Trung tâm Y tế khu vực Đắk Glong	**96**	77	19	**84**	77	7	**12**		12	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
46	Trung tâm Y tế khu vực Đắk R'lấp	**219**	81	138	**214**	81	133	**5**		5	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
47	Trung tâm Y tế khu vực Tuy Đức	**79**	64	15	**67**	64	3	**12**		12	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
SỞ Y TẾ

Phụ lục 04

Thực trạng số lượng người làm việc tại các Trạm Y tế xã, phường, đặc khu trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

TT	Tên trạm	Số viên chức được giao năm 2026	Số viên chức đã tuyển dụng đến 10/2026	Số viên chức chưa tuyển dụng đến tháng 10/2026
	Tổng	**2.885**	**2.386**	**499**
1	Trạm Y tế phường Xuân Hương - Đà Lạt	35	31	4
2	Trạm Y tế phường Cam Ly - Đà Lạt	23	22	1
3	Trạm Y tế phường Lâm Viên - Đà Lạt	27	20	7
4	Trạm Y tế phường Xuân Trường - Đà Lạt	26	24	2
5	Trạm Y tế phường Lang Biang - Đà Lạt	25	19	6
6	Trạm y tế xã Lạc Dương	17	16	1
7	Trạm Y tế xã Đơn Dương	26	19	7
8	Trạm Y tế xã Ka Đô	19	16	3
9	Trạm Y tế xã Quảng Lập	16	14	2
10	Trạm Y tế xã D'ran	17	17	0
11	Trạm Y tế xã Đức Trọng	22	19	3
12	Trạm Y tế xã Hiệp Thạnh	20	19	1
13	Trạm Y tế xã Tân Hội	21	18	3
14	Trạm Y tế xã Ninh Gia	15	10	5
15	Trạm Y tế xã Tà Hine	25	23	2
16	Trạm Y tế xã Tà Năng	15	11	4
17	Trạm Y tế xã Đinh Văn Lâm Hà	24	24	0
18	Trạm Y tế xã Phú Sơn Lâm Hà	19	18	1
19	Trạm Y tế xã Nam Hà Lâm Hà	15	12	3
20	Trạm Y tế xã Nam Ban Lâm Hà	38	35	3
21	Trạm Y tế xã Tân Hà Lâm Hà	34	30	4
22	Trạm Y tế xã Phúc Thọ Lâm Hà	18	13	5
23	Trạm Y tế xã Đam Rông 1	18	18	0
24	Trạm Y tế xã Đam Rông 2	16	16	0
25	Trạm Y tế xã Đam Rông 3	17	17	0
26	Trạm Y tế xã Đam Rông 4	23	23	0
27	Trạm Y tế xã Di Linh	36	27	9
28	Trạm Y tế xã Hòa Ninh	29	21	8
29	Trạm Y tế xã Hòa Bắc	17	11	6
30	Trạm Y tế xã Đinh Trang Thượng	22	21	1
31	Trạm Y tế xã Bảo Thuận	24	21	3
32	Trạm Y tế xã Sơn Điền	15	11	4
33	Trạm Y tế xã Gia Hiệp	20	13	7
34	Trạm Y tế xã Bảo Lâm 1	21	18	3
35	Trạm Y tế xã Bảo Lâm 2	22	22	0
36	Trạm Y tế xã Bảo Lâm 3	17	17	0
37	Trạm Y tế xã Bảo Lâm 4	18	16	2
38	Trạm Y tế xã Bảo Lâm 5	15	11	4
39	Trạm Y tế phường 1 Bảo Lộc	25	22	3
40	Trạm Y tế phường 2 Bảo Lộc	24	23	1
41	Trạm Y tế phường 3 Bảo Lộc	25	25	0
42	Trạm Y tế phường B'Lao	25	25	0
43	Trạm Y tế xã Đạ Huoai	27	26	1
44	Trạm Y tế xã Đạ Huoai 2	24	18	6
45	Trạm Y tế xã Đạ Huoai 3	15	14	1
46	Trạm Y tế xã Đạ Tẻh	26	24	2
47	Trạm Y tế xã Đạ Tẻh 2	27	24	3
48	Trạm Y tế xã Đạ Tẻh 3	19	15	4
49	Trạm Y tế xã Cát Tiên	23	23	0
50	Trạm Y tế xã Cát Tiên 2	26	23	3
51	Trạm Y tế xã Cát Tiên 3	23	19	4
52	Trạm Y tế xã Vĩnh Hảo	15	12	3
53	Trạm Y tế xã Liên Hương	39	23	16
54	Trạm Y tế xã Tuy Phong	17	12	5
55	Trạm Y tế xã Phan Rí Cửa	35	19	16

TT	Tên trạm	Số viên chức được giao năm 2026	Số viên chức đã tuyển dụng đến 10/2026	Số viên chức chưa tuyển dụng đến tháng 10/2026
56	Trạm Y tế xã Bắc Bình	29	28	1
57	Trạm Y tế xã Hồng Thái	16	12	4
58	Trạm Y tế xã Hải Ninh	24	19	5
59	Trạm Y tế xã Phan Sơn	16	13	3
60	Trạm Y tế xã Sông Lũy	21	14	7
61	Trạm Y tế xã Lương Sơn	15	11	4
62	Trạm Y tế xã Hòa Thắng	15	10	5
63	Trạm Y tế xã Đông Giang	24	17	7
64	Trạm Y tế xã La Dạ	18	8	10
65	Trạm Y tế xã Hàm Thuận Bắc	25	22	3
66	Trạm Y tế xã Hàm Thuận	32	21	11
67	Trạm Y tế xã Hồng Sơn	20	11	9
68	Trạm Y tế xã Hàm Liêm	21	18	3
69	Trạm Y tế phường Hàm Thắng	37	20	17
70	Trạm Y tế phường Bình Thuận	24	19	5
71	Trạm Y tế phường Mũi Né	35	14	21
72	Trạm Y tế phường Phú Thủy	23	19	4
73	Trạm Y tế phường Phan Thiết	31	30	1
74	Trạm Y tế phường Tiến Thành	18	13	5
75	Trạm Y tế xã Tuyên Quang	18	16	2
76	Trạm Y tế xã Hàm Thạnh	30	22	8
77	Trạm Y tế xã Hàm Kiệm	20	18	2
78	Trạm Y tế xã Tân Thành	36	23	13
79	Trạm Y tế xã Hàm Thuận Nam	19	14	5
80	Trạm Y tế xã Tân Lập	15	12	3
81	Trạm Y tế xã Tân Minh	19	*18*	1
82	Trạm Y tế xã Hàm Tân	21	14	7
83	Trạm Y tế xã Sơn Mỹ	21	16	5
84	Trạm Y tế phường La Gi	29	19	10
85	Trạm Y tế phường Phước Hội	27	15	12
86	Trạm Y tế xã Tân Hải	18	6	12
87	Trạm Y tế xã Bắc Ruộng	42	40	2
88	Trạm Y tế xã Nghị Đức	25	23	2
89	Trạm Y tế xã Đồng Kho	37	27	10
90	Trạm Y tế xã Tánh Linh	37	21	16
91	Trạm Y tế xã Suối Kiết	20	12	8
92	Trạm Y tế xã Nam Thành	31	17	14
93	Trạm Y tế xã Đức Linh	35	19	16
94	Trạm Y tế xã Hoài Đức	33	24	9
95	Trạm Y tế xã Trà Tân	30	21	9
96	Trạm Y tế xã Cư Jút	33	33	0
97	Trạm Y tế xã Nam Dong	20	20	0
98	Trạm Y tế xã Đắk Wil	19	17	2
99	Trạm Y tế xã Quảng Phú	22	21	1
100	Trạm Y tế xã Nâm Nung	16	16	0
101	Trạm Y tế xã Krông Nô	24	24	0
102	Trạm Y tế xã Nam Đà	22	22	0
103	Trạm Y tế xã Đức Lập	29	29	0
104	Trạm Y tế xã Thuận An	20	20	0
105	Trạm Y tế xã Đắk Mil	23	22	1
106	Trạm Y tế xã Đắk Sắk	24	24	0
107	Trạm Y tế xã Đức An	24	24	0
108x	Trạm Y tế xã Đắk Song	15	14	1
109	Trạm Y tế xã Thuận Hạnh	16	16	0
110	Trạm Y tế xã Trường Xuân	18	17	1
111	Trạm Y tế phường Bắc Gia Nghĩa	33	33	0
112	Trạm Y tế phường Đông Gia Nghĩa	30	28	2
113	Trạm Y tế phường Nam Gia Nghĩa	33	33	0
114	Trạm Y tế xã Tà Đùng	15	12	3
115	Trạm Y tế xã Quảng Khê	15	15	0
116	Trạm Y tế xã Quảng Sơn	15	12	3
117	Trạm Y tế xã Quảng Hòa	15	8	7
118	Trạm Y tế xã Kiến Đức	28	28	0
119	Trạm Y tế xã Nhân Cơ	23	23	0
120	Trạm Y tế xã Quảng Tín	27	27	0

TT	Tên trạm	Số viên chức được giao năm 2026	Số viên chức đã tuyển dụng đến 10/2026	Số viên chức chưa tuyển dụng đến tháng 10/2026
121	Trạm Y tế xã Quảng Trực	15	13	2
122	Trạm Y tế xã Tuy Đức	25	25	0
123	Trạm Y tế xã Quảng Tân	16	16	0
124	Trạm Y tế Đặc khu Phú Quý	21	18	3